CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op

Ngày 31/12/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**-1.6%**	**-**

DT thuần
Q4/24
32.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.8| 57.0%
YoY: ▲ 5.40| 19.9%

LN thuần
Q4/24
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.1| -49.8%
YoY: ▼5.80| -36.3%

LN sau thuế
Q4/24
9.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.47| -51.2%
YoY: ▼6.27| -41.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
77.2%
YoY: +/-▲ 68.8%

ROE
2024
3.0%
YoY: +/-▲ 2.9%

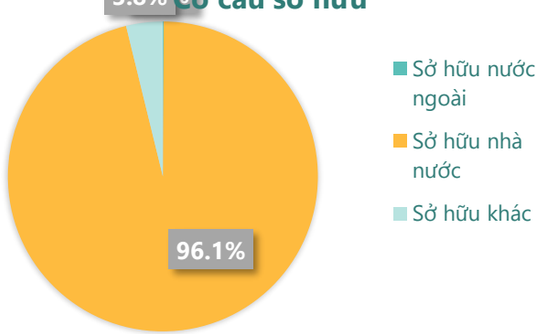
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,100 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,200
Số lượng CPLH (CP)	100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,135
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.01
EPS	703
P/E	17.1

DT thuần
2024
98.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.1| 12.7%

LN thuần
2024
76.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.1| -13.6%

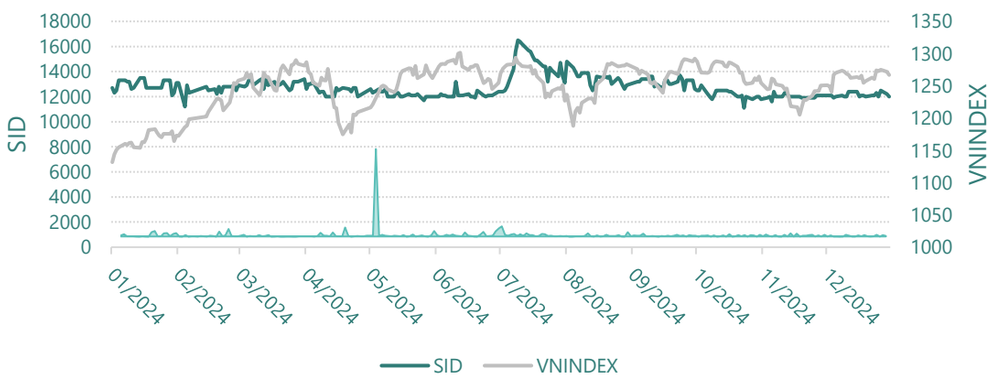
LN sau thuế
2024
70.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 67.6| 2534%

Cơ cấu sở hữu

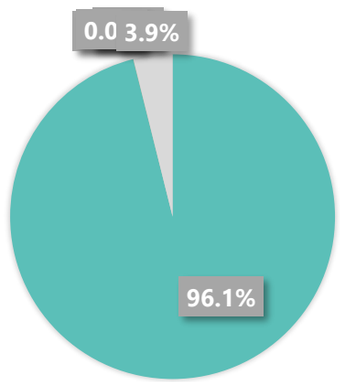


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

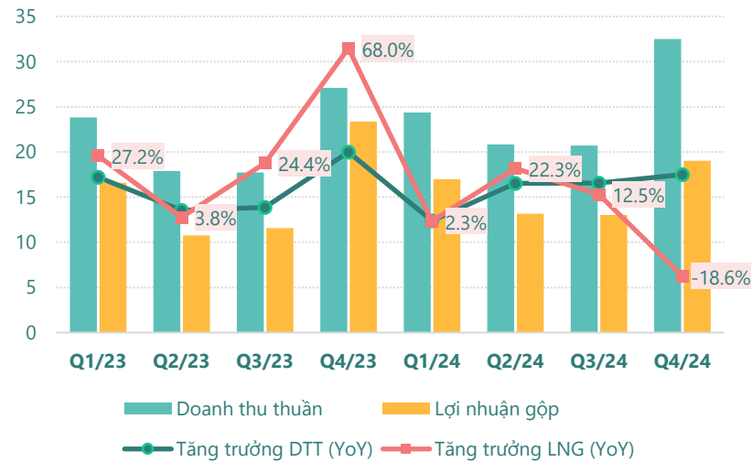


- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguyễn Thị Tranh
- Lê Quang Thục Quỳnh
- Chu Thị Lan Anh
- Nguyễn Thị Thúy Anh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

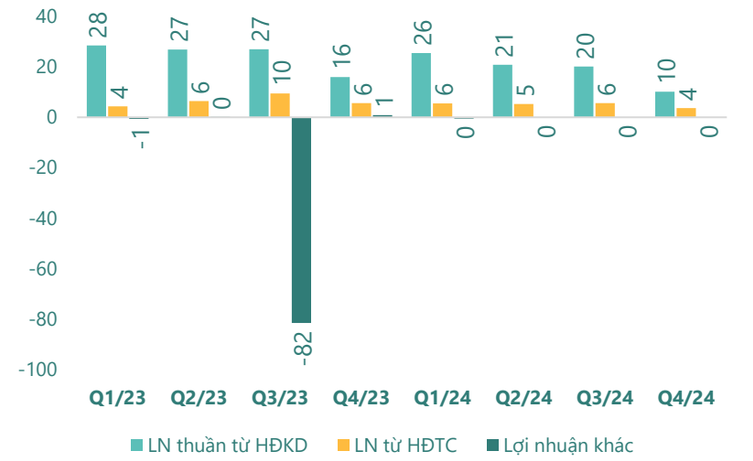
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



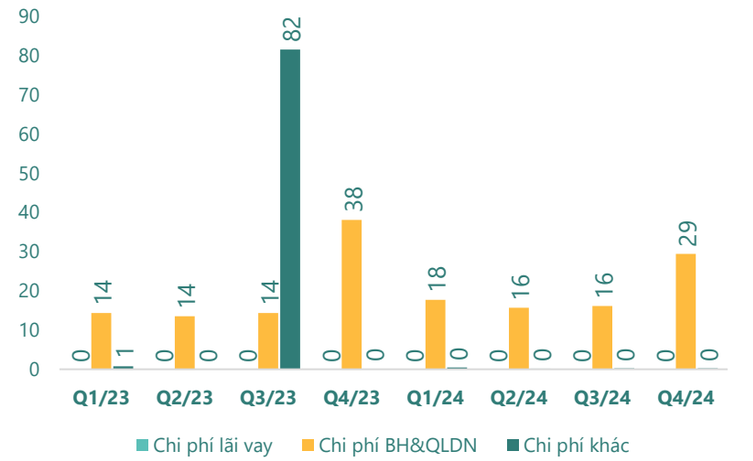
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



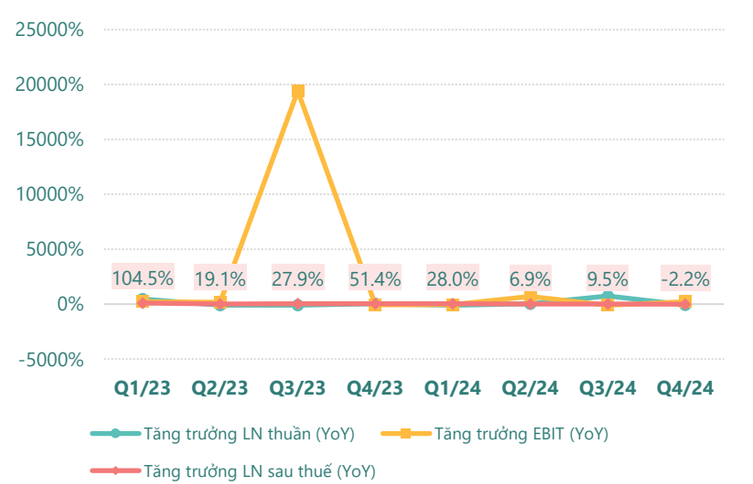
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



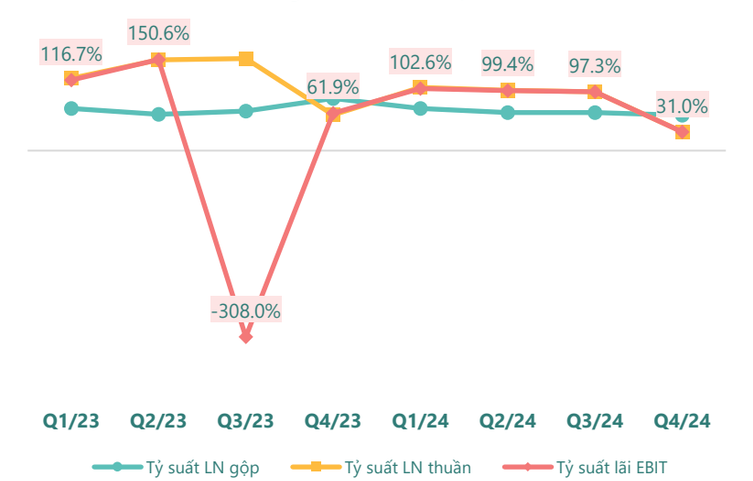
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



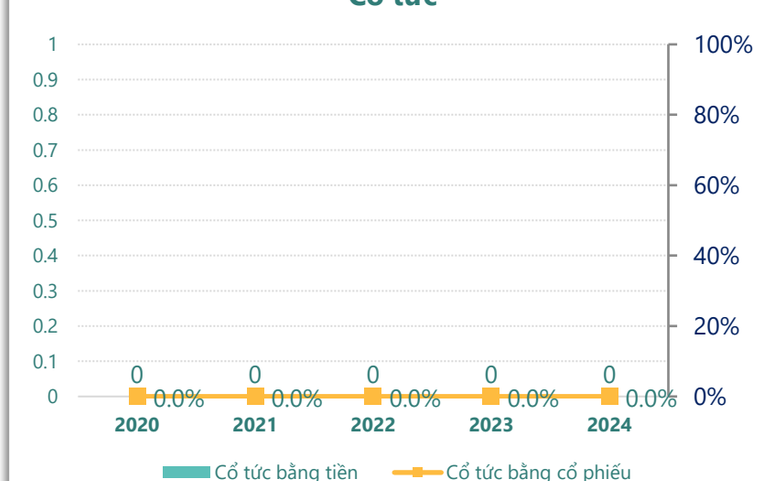
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

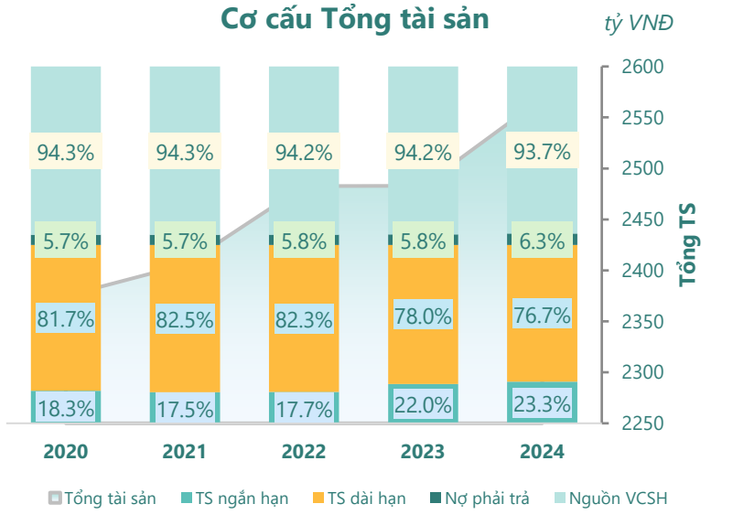
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

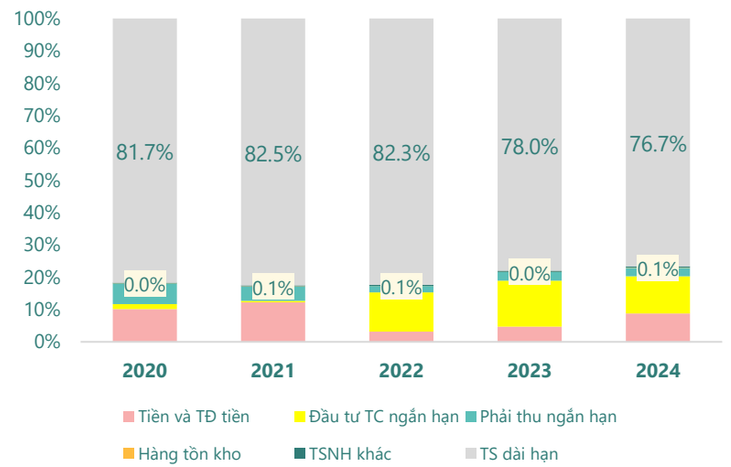
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



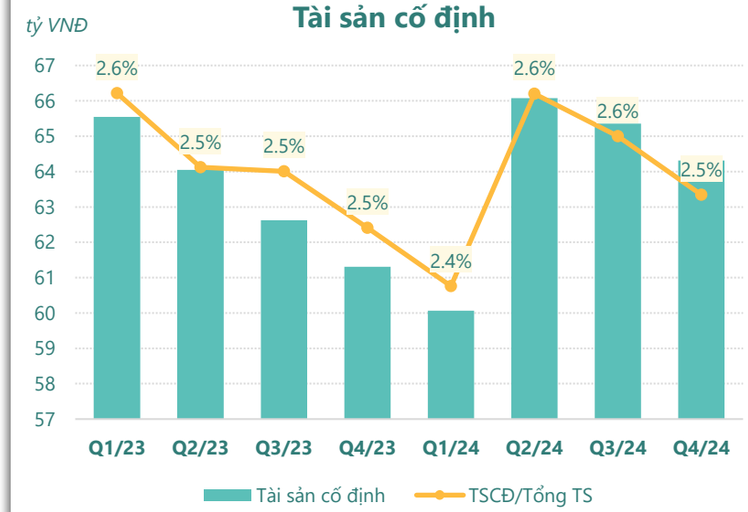
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



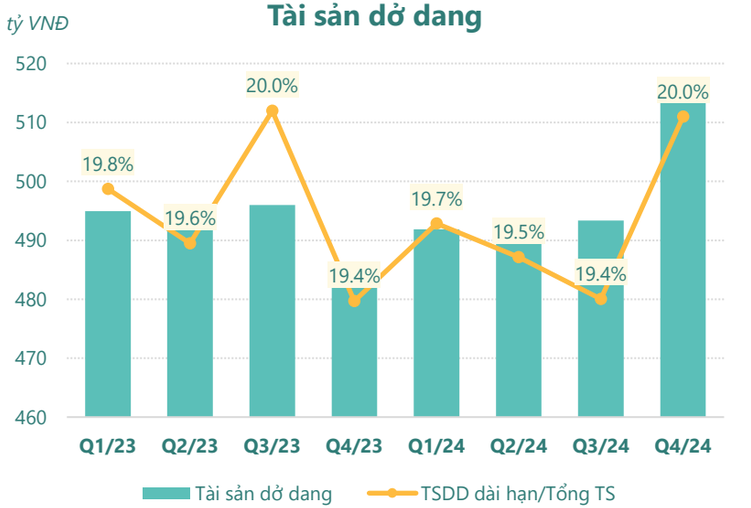
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



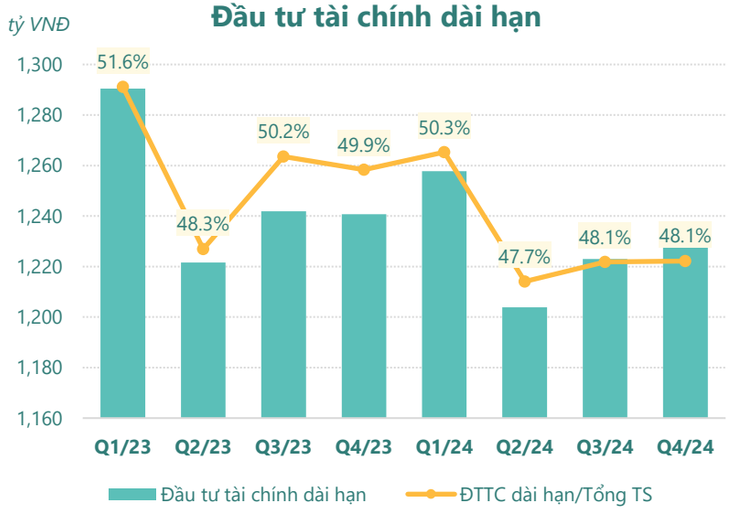
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



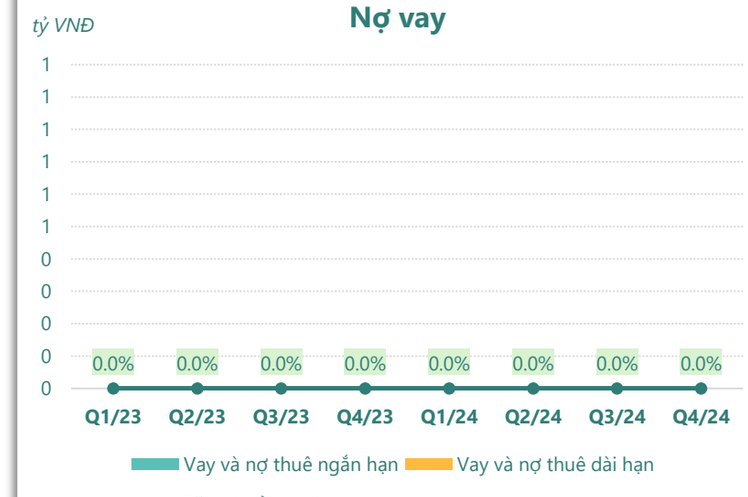
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

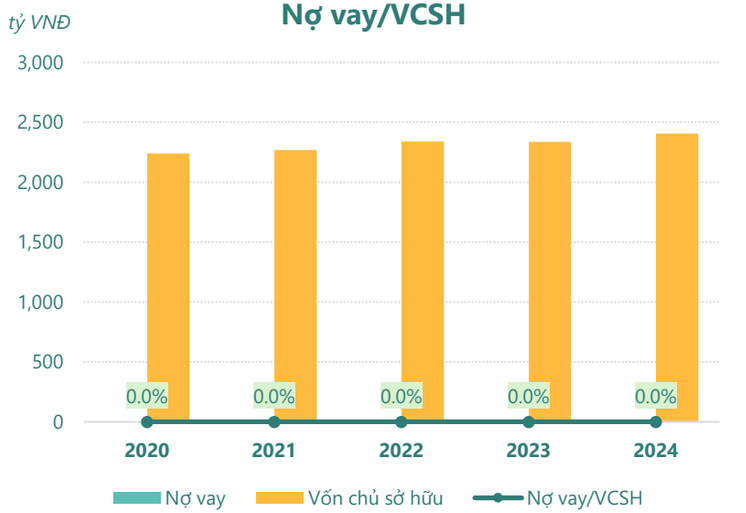
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

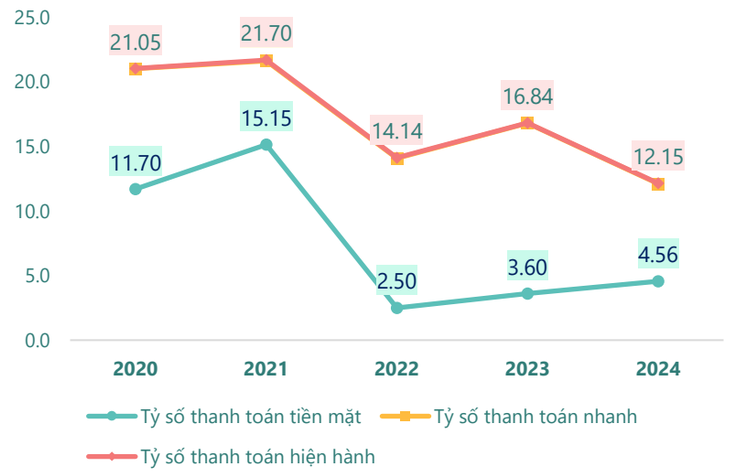
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



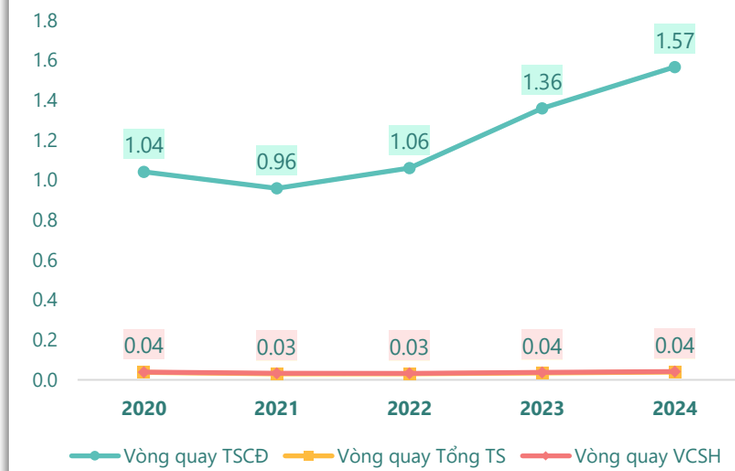
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



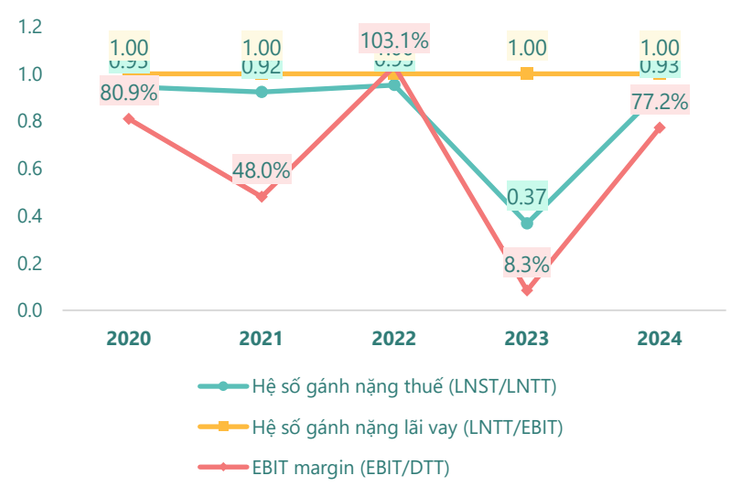
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



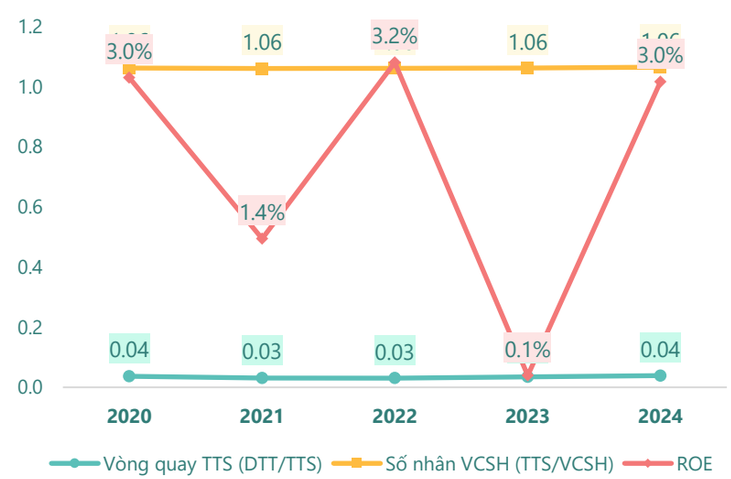
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



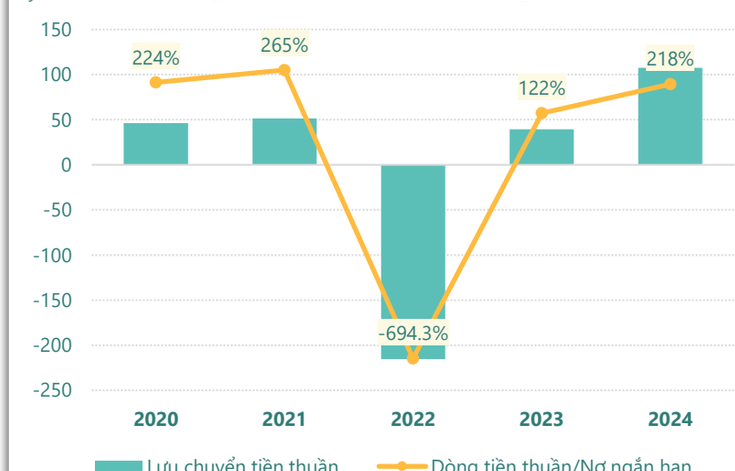
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.5**	**27.1**	**19.9%**	**98.4**	**87.3**	**12.7%**
Giá vốn hàng bán	13.5	3.72	262%	36.3	24.3	49.5%
Lợi nhuận gộp	19.0	23.4	-18.7%	62.2	63.1	-1.4%
Doanh thu HĐTC	5.45	5.58	-2.4%	20.4	28.6	-28.8%
Chi phí TC	1.82	0.00		0.31	3.87	-92.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**17.0**	**25.1**	**-32.5%**	**73.4**	**86.7**	**-15.4%**
Chi phí bán hàng	6.83	5.51	23.9%	20.6	19.7	4.7%
Chi phí QLDN	**22.6**	**32.6**	**-30.5%**	**58.4**	**66.2**	**-11.7%**
LN thuần từ HĐKD	10.1	15.9	-36.3%	76.6	88.7	-13.6%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.82**	**-106%**	**-0.67**	**-81.4**	**99.2%**
LN trước thuế	10.1	16.8	-40.0%	76.0	7.28	944%
Lợi nhuận sau thuế	**9.03**	**15.3**	**-41.0%**	**70.3**	**2.67**	**2534%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.03**	**15.3**	**-41.0%**	**70.3**	**2.67**	**2534%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.65	-18.3	-7.48	-6.17	-6.71	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.8	22.6	-13.0	16.8	61.0	50.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	0	-0.01	0.00	0	0
Tiền đầu kỳ	175	103	117	96.6	107	161
Lưu chuyển tiền thuần	**-71.5**	**4.27**	**-20.5**	**10.6**	**54.3**	**63.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	103	107	96.6	107	161	225

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,569**	**2,483**	**3.5%**
Tài sản ngắn hạn	599	547	9.6%
Tiền và tương đương tiền	225	117	92.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	297	352	-15.7%
Phải thu ngắn hạn	67.8	67.4	0.7%
Hàng tồn kho	1.74	0.95	83.2%
Tài sản ngắn hạn khác	8.13	9.23	-11.9%
Tài sản dài hạn	**1,969**	**1,936**	**1.7%**
Phải thu dài hạn	115	112	2.0%
Tài sản cố định	64.3	61.3	4.9%
Bất động sản đầu tư	36.1	37.7	-4.4%
Tài sản dở dang	514	484	6.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,236	1,237	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**4.39**	**3.99**	**10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	162	145	11.8%
Nợ ngắn hạn	**49.3**	**32.5**	**51.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.2	1.88	920%
Nợ dài hạn	113	113	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,406**	**2,338**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,406**	**2,338**	**2.9%**
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)